

BÁO CÁO

Tình hình cung cấp nước sạch sinh hoạt trên địa bàn huyện Phú Tân Giai đoạn 2010 - 2019

Thực hiện Thông báo số 16/TB-ĐGS ngày 31/7/2019 của Đoàn giám sát - Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về việc kế hoạch thực hiện giám sát việc cung cấp nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau, UBND huyện Phú Tân báo cáo như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

1. Việc triển khai các chủ trương, quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh có liên quan về cung cấp nước sạch

Trong thời gian qua, từ năm (2010 – 2019), huyện đã triển khai các văn bản sau:

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP;
- Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/08/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020;
- Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;
- Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của liên Bộ: Tài chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;
- Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính về Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;
- Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/NĐ-CP;
- Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

- Chỉ thị số 1118/CT-BNN-TCTL ngày 03/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác quản lý, khai thác và vận hành công trình cấp nước tập trung nông thôn;

- Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

- Quyết định số 4826/QĐ-BNN-TCTL ngày 07/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn, thay thế Quyết định số 2570/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Tình hình, kết quả đầu tư, cung cấp nước sạch cho các hộ dân trên địa bàn quản lý

Trên địa bàn huyện có 02 hình thức cấp nước sinh hoạt, đó là cấp nước sinh hoạt nông thôn và cấp nước sinh hoạt thành thị. Việc cấp nước sinh hoạt thành thị là trên địa bàn thị trấn Cái Đồi Vàm, cấp nước sinh hoạt nông thôn gồm có 08 xã: Phú Tân, Tân Hải, Nguyễn Việt Khái, Rạch Chèo, Tân Hưng Tây, Việt Thắng, Phú Thuận và Phú Mỹ.

Thời gian qua, vấn đề cung cấp nước sinh hoạt nông thôn của huyện Phú Tân đã được các cấp, các ngành, địa phương quan tâm triển khai, kết quả thực hiện đến nay đã có 21.150 hộ/24.866 hộ, chiếm 99,2% số dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh và 18.779 hộ/24.866 hộ sử dụng nước sạch chiếm tỷ lệ 75,5%.

Đạt được kết quả trên, huyện đã thực hiện nhiều giải pháp (công trình và phi công trình) thông qua các nguồn lực thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch & VSMTNT, các tổ chức phi chính phủ, tài trợ từ Ngân hàng Thế giới (WB6), Trung ương hỗ trợ, ngân sách địa phương và nguồn đối ứng từ nhân dân... Tuy nhiên, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước từ công trình tập trung còn thấp, số hộ sử dụng từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình (74,7% giếng khoan hộ gia đình)

Tổng hợp dự án, công trình cấp nước sinh hoạt tập trung: 25 công trình

TT	Địa điểm công trình	Số công trình cấp nước sinh hoạt	Số công trình hoạt động hiệu quả	Tỉ lệ công trình hoạt động hiệu quả (%)	Số công trình hoạt động trung bình	Tỉ lệ công trình hoạt động trung bình (%)	Số công trình hoạt động kém hiệu quả	Tỉ lệ công trình hoạt động kém hiệu quả (%)	Số công trình ngưng hoạt động	Tỉ lệ công trình ngưng hoạt động (%)
1	Xã Tân Hải	5	3	60	1	20	1	20	0	0
2	Xã Phú Tân	4	1	25	2	50	0	0	1	25
3	Xã Phú Thuận	3	0	0	2	66,7	1	33,3	0	0
4	Xã Việt Thắng	2	1	50	1	50	0	0	0	0
5	Xã Tân Hưng Tây	1	0	0	1	100	0	0	0	0

6	Xã Rạch Chèo	2	1	50	1	50	0	0	0	0
7	Xã Nguyễn Việt Khái	6	2	33,3	0	0	1	16,7	3	50
8	Thị trấn Cái Đôi Vàm	2	2	100	0	0	0	0	0	0
	Cộng	25	10	40	8	32	3	12	4	16

3. Tình hình sử dụng nước sạch sinh hoạt giai đoạn 2010 - 2019

Giai đoạn từ năm 2010 đến 2015 số người sử dụng nước sạch là 13.664 người/ tổng số 89.222 người, chiếm tỷ lệ 15,3%.

Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2019 số hộ sử dụng nước sạch sinh hoạt là 18.779 hộ/24.866 hộ, chiếm tỷ lệ 75,5% (trong đó có 7.987 hộ được cấp chiếm 32,1% hộ sử dụng nước sạch; 10.792 hộ tự khoan và sử dụng nguồn nước khác chiếm 43,4%).

4. Những khu vực không khoan được nước ngầm mà chưa được cung cấp nước sinh hoạt

- Ấp Sào Lưới xã Nguyễn Việt Khái (các hộ sống phân tán ven biển, thưa thớt);

** Tình hình đời sống của các hộ dân thiếu nước sạch sinh hoạt*

Tình hình thiếu nước sinh hoạt do không khai thác được nước ngầm tại các khu vực nêu trên đã và đang tác động tiêu cực đến đời sống và sản xuất của người dân, đa số là những hộ dân nghèo, hộ khó khăn ở những vùng kinh tế xã hội khó khăn. Phần lớn các hộ gia đình này phải mua nước tại chỗ hoặc đi mua nước từ nơi khác về để sinh hoạt, đồng thời phải mua nước đóng bình dùng cho ăn uống.

** Nguyên nhân*

- Do các khu vực có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, khu vực ven rừng và ven biển là nơi chịu tác động nghiêm trọng trước thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn. Nhu cầu về nước sạch và vệ sinh môi trường ở những khu vực này tương đối lớn, trong khi đó đa số là những hộ nghèo, khả năng tham gia đóng góp cho công tác nước sạch và vệ sinh môi trường còn rất hạn chế.

- Do địa hình phức tạp, người dân nông thôn những khu vực nêu trên sống phân tán, thưa thớt, việc đầu tư công trình tập trung rất khó (suất đầu tư cao), nên tỷ lệ dân được tiếp cận nước sinh hoạt từ công trình cấp nước tập trung rất ít.

- Nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực cấp nước nông thôn rất hạn hẹp so với nhu cầu thực tế, việc kêu gọi xã hội hóa không đạt được kết quả (suất đầu tư cao, số hộ sử dụng ít nên doanh nghiệp ít quan tâm đầu tư).

II. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, THỰC HIỆN QUY HOẠCH, TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ

1. Kết quả thực hiện quy hoạch hệ thống cấp nước sinh hoạt trên địa bàn quản lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Quy hoạch tổng thể cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn của tỉnh Cà Mau đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2075/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 đã được triển khai thực hiện, hiện nay đã có 23 công trình nước sinh hoạt nông thôn và 02 công trình cấp nước sạch thành thị trên địa bàn hoạt động và đã đem lại hiệu quả tích cực trong đời sống sinh hoạt của người dân. Tuy nhiên, do Quy hoạch tổng thể cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh được xây dựng trong điều kiện dự tính các yếu tố phát triển từ năm 2010, đến năm 2015 đã có những thay đổi mạnh mẽ về điều kiện kinh tế - xã hội, về biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán..., sự hình thành mới các tuyến dân cư, các cụm dân cư và các tuyến đường giao thông đã làm thay đổi lớn diện mạo nông thôn, nên Quy hoạch được phê duyệt năm 2010 không còn phù hợp với thực tiễn. Do vậy, ngày 18/11/2014 UBND tỉnh đã cho chủ trương thực hiện rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Cà Mau đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 1746/QĐ-UBND.

Tuy nhiên, trong quá trình rà soát, điều chỉnh quy hoạch thì Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2019, vì vậy, Quy hoạch tổng thể cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Cà Mau đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được tích hợp trong nội dung quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, hiện nay đã được đưa vào dự thảo nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Việc triển khai chính sách khuyến khích đầu tư

Đến thời điểm này, tỉnh Cà Mau nói chung và huyện Phú Tân nói riêng chỉ áp dụng Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn do Chính phủ ban hành và Hội đồng nhân dân tỉnh cũng đã ban hành Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đầu tư vào nông nghiệp nông thôn. Từ trước đến nay chưa có cơ chế, chính sách riêng để thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp cho các dự án nước sạch nông thôn trên địa bàn huyện, đặc biệt là những xã có điều kiện kinh tế khó khăn.

Mặc dù, lĩnh vực nước sạch nông thôn nằm trong danh mục xã hội hóa của nhà nước, nhưng do dân cư nông thôn sống phân tán, thưa thớt, chi phí đầu tư cho nhà máy cấp nước là rất lớn, để thu hồi được nguồn vốn và có lãi, duy trì công trình hoạt động bền vững phải mất rất nhiều năm, dẫn tới các doanh nghiệp không “mặn mả” với các khu vực nông thôn, khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội.

Vì vậy, cần đánh giá kỹ các mô hình cấp nước hiện có, nêu lên những hạn chế, vướng mắc để có cái nhìn tổng thể, phù hợp. Các chính sách khuyến khích đầu tư phải hết sức cụ thể, rõ ràng và hấp dẫn để thu hút doanh nghiệp đầu tư các công trình cấp nước sạch và phải lan tỏa được trách nhiệm, nghĩa vụ của các cấp, các ngành, các địa phương đối với việc nâng cao tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện.

III. KẾT QUẢ ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH CUNG CẤP NƯỚC SẠCH

1. Kết quả đầu tư công trình từ ngân sách nhà nước và công trình được xác lập quyền sở hữu nhà nước

Các công trình cấp nước trên địa bàn huyện do Công ty Cổ phần nước Cà Mau và Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Cà Mau thực hiện.

- Tổng số công trình cấp nước tập trung: 25 công trình. Trong đó:

+ Công trình hoạt động bền vững, hiệu quả: 10 công trình.

+ Công trình hoạt động trung bình: 8 công trình.

+ Công trình hoạt động kém hiệu quả: 3 công trình.

+ Công trình đã ngưng hoạt động: 4 công trình.

- Tổng số hộ được cung cấp nước từ công trình tập trung: 7.987 hộ.

- Công tác duy tu, sửa chữa công trình cấp nước nông thôn hàng năm không được thực hiện, do không được bố trí nguồn kinh phí, nên hiện nay có một số công trình đã và đang xuống cấp, hư hỏng nghiêm trọng.

- Quy trình khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch đến người dân sử dụng, được phân thành 02 nhóm:

Nước giếng khoan sau khi khai thác, được vận hành qua hệ thống xử lý lắng, lọc, chuyển đến bể chứa nước sạch 200 - 300m³ và được sử dụng đài nước hoặc hệ thống bơm biến tần bơm dẫn ra đường ống mạng phân phối (có sử dụng hệ thống clor được châm định lượng) cung cấp đến các hộ dân 24/24 giờ.

+ Nhóm 2: Công trình được đầu tư xây dựng từ năm 2014 trở về trước (221 công trình).

Nước giếng khoan khi khai thác, được chuyển trực tiếp lên đài nước cao 5-10m có bồn chứa, sau đó xả ra đường ống mạng phân phối cung cấp đến các hộ dân.

+ Các trạm cấp nước nông thôn xây dựng từ năm 2014 đến nay (Trung tâm Nước đang tạm quản lý, vận hành) được xử lý nước đảm bảo các chỉ tiêu lý hóa, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sinh hoạt, hầu hết đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của người dân.

- Việc tổ chức thực hiện Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 54:

Hiện nay, Trung tâm Nước sạch & VSMTNT và UBND các xã đang quản lý, vận hành 23 công trình cung cấp nước sạch được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước.

Công ty Cổ phần nước Cà Mau quản lý và vận hành 02 công trình.

- Việc áp giá nước đối với người sử dụng theo Quyết số 17/2013/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Công tác tuyên truyền về bảo đảm cấp nước an toàn và nâng cao nhận thức, trách nhiệm người dân đối với sử dụng tài nguyên nước. Huyện thường xuyên phối hợp với Hội nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và hướng dẫn người dân về sử dụng, quản lý khai thác, bảo vệ công trình cấp

nước sạch tập trung nông thôn và bảo vệ nguồn nước, nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe.

2. Kết quả thực hiện khuyến khích đầu tư

Trên địa bàn huyện chưa có sự tham gia đầu tư của các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập, Hợp tác xã, Tổ hợp tác thực hiện các hoạt động đầu tư, chuyển giao công nghệ, quản lý khai thác, sản xuất kinh doanh, dịch vụ về nước sạch nông thôn, nên huyện chưa đánh giá được hiệu quả đầu tư của các đơn vị này.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

Công trình cấp nước nông thôn tập trung là hạ tầng quan trọng, cung cấp nước sinh hoạt, góp phần cải thiện đời sống, nâng cao sức khỏe người dân, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn.

Là một trong những huyện chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu nên huyện Phú Tân đã nhận được sự quan tâm hỗ trợ từ các Chương trình, dự án của tỉnh; đồng thời cũng đã tập trung nhiều nguồn lực để phát triển hệ thống cấp nước sạch nông thôn, nhất là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Các công trình dự án cấp nước được đầu tư đã mang lại hiệu quả rất đáng kể, đáp ứng cơ bản nhu cầu dùng nước của người dân nông thôn. Kết quả thực hiện đến nay đã có 92% số dân tập trung được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó 75% sử dụng nước đạt quy chuẩn QCVN 02:2009/BYT. Từ đó, góp phần giải quyết tình trạng thiếu nước sinh hoạt, rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận nguồn nước đạt chất lượng tốt, cải thiện chất lượng cuộc sống.

2. Khó khăn, hạn chế trong lĩnh vực cấp nước nông thôn

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc cung cấp nước sạch nông thôn còn những hạn chế, khó khăn như sau:

- Mặc dù đến thời điểm hiện nay tỷ lệ được cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 92%, nhưng trên thực tế tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước từ những công trình cấp nước tập trung vẫn còn rất thấp, tỷ lệ sử dụng nước từ giếng khoan nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình chiếm đa số và phần còn lại là sử dụng các nguồn khác hoặc không có nước ngọt sinh hoạt. Từ đó, gây khó khăn trong việc xử lý nước sạch đạt QCVN 02:2009/BYT, tầng nước dễ bị xâm nhập mặn và ô nhiễm do nước thải sinh hoạt, phân thuốc bảo vệ thực vật và nuôi trồng thủy sản, mực nước sụt giảm đáng kể, khó khai thác.

- Rất ít các dự án cấp nước quy mô lớn, đủ năng lực cung cấp nước sinh hoạt trên diện rộng và chủ động ứng phó thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp như hiện nay; hệ thống công trình hiện hữu chưa đảm bảo tính bền vững lâu dài, hầu hết đều có quy mô công suất rất nhỏ, số hộ hưởng lợi rất ít.

- Số lượng công trình hoạt động kém hiệu quả và ngưng hoạt động chiếm tỷ lệ khá lớn; Số công trình hoạt động trung bình hiện đang có dấu hiệu xuống cấp và hư hỏng làm ảnh hưởng rất lớn đến việc cấp nước bền vững và an toàn.

- Không có nguồn nước mặt đảm bảo để cung cấp cho sinh hoạt, hầu như chỉ sử dụng nước ngầm nên hạn chế về lưu lượng cung cấp.

- Chưa thu hút được doanh nghiệp, các tổ chức, các cá nhân tham gia đầu tư và khai thác trong lĩnh vực nước sạch nông thôn.

- Hiệu quả quản lý, vận hành các hệ thống cấp nước tập trung một số công trình còn bấp bênh, thiếu tính bền vững. Nhiều công trình có quy mô rất nhỏ, manh mún, phân tán, khó khăn trong đảm bảo cân đối thu chi phục vụ công tác quản lý vận hành và duy tu bảo dưỡng công trình.

- Chất lượng nước có sự khác biệt giữa các đơn vị cung cấp ở một số địa bàn khu vực nông thôn. Phần lớn các trạm lấy nước giếng khoan khi khai thác, chuyển trực tiếp lên đài nước cao 5-10m có bồn chứa, sau đó xả ra đường ống mạng phân phối cung cấp đến các hộ dân, nên chất lượng nước chưa đảm bảo, không xử lý được vi sinh, kim loại nặng và các tạp chất khác.

- Tình trạng ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước ngày càng phức tạp, ảnh hưởng đến tính bền vững công trình và khó khăn trong đảm bảo chất lượng nước nhất là công trình quy mô nhỏ...

- Đời sống người dân khu vực nông thôn khó khăn, khả năng tham gia đóng góp của cho công tác nước sạch và vệ sinh môi trường còn hạn chế. Vì vậy, việc triển khai công tác cấp nước sạch tập trung còn nhiều thách thức.

- Thu nhập của các hộ dân hưởng lợi còn thấp, một bộ phận không có khả năng chi trả tiền sử dụng nước, ảnh hưởng đến nguồn thu của nhà cung cấp nước.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Các công trình cấp nước tập trung nông thôn nằm tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, đặc điểm địa hình phức tạp, song ngòi chằng chịt, dân cư sống tương đối thưa thớt, phân tán, hầu hết các công trình có quy mô nhỏ, nên việc sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung rất hạn chế.

- Nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực cấp nước nông thôn rất hạn hẹp so với nhu cầu thực tế, do dân cư thưa thớt, suất đầu tư cao, doanh thu thấp, lợi nhuận thấp, chậm thu hồi vốn, hao hụt, thất thoát nhiều trong công tác quản lý vận hành, nên rất khó khăn để kêu gọi xã hội hóa, do đó việc đầu tư phát triển hệ thống cấp nước nông thôn thiếu đồng bộ, tính kết nối thấp.

- Do có quá nhiều giếng khoan nhỏ lẻ của hộ gia đình là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước, làm cho nguồn nước ngầm bị sụt giảm và nhiễm mặn, gây khó khăn trong việc xử lý nước sạch đạt QCVN 02:2009/BYT.

- Công tác quy hoạch, xây dựng trong lĩnh vực nước sạch nông thôn còn nhiều bất cập, chưa sát với điều kiện, tình hình thực tế.

- Ý thức bảo vệ cơ sở hạ tầng trong cộng đồng còn yếu kém. Nhận thức của cấp ủy, chính quyền địa phương và một bộ phận người dân chưa đúng, chưa đủ về các chính sách hiện hành trong quản lý, khai thác và bảo vệ công trình, đặc biệt là chính sách giá nước.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

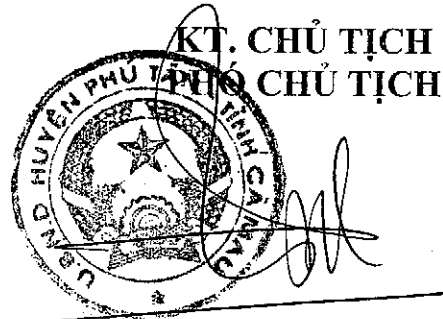
UBND tỉnh hàng năm xem xét bố trí nguồn vốn để thực hiện sửa chữa, nâng cấp, cải tạo các công trình cấp nước nông thôn, các công trình cấp nước tập trung đã bị hư hỏng và xuống cấp.

Hiện nay, trên địa bàn xã Phú Mỹ chưa có công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, hộ dân sinh hoạt chủ yếu từ các nguồn giếng khoan nhỏ lẻ nên gặp rất nhiều khó khăn trong đời sống sinh hoạt của người dân. Cần đầu tư các công trình cấp nước tập trung khu vực này để giải quyết khó khăn trong việc cấp nước sinh hoạt cho người dân.

Trên đây là báo cáo của UBND huyện Phú Tân về tình hình nước sạch sinh hoạt trên địa bàn huyện giai đoạn 2010 - 2019./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ban KT-NS, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT (theo dõi);
- LĐVP;
- CV NNL;
- Lưu: VT;Q17/T3.



Trần Minh Huyện